

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 23/2025/NQ-HĐND

Nghệ An, ngày 03 tháng 11 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chính sách hỗ trợ đối với một số đối tượng bảo trợ xã hội
ngoài chính sách trợ giúp xã hội của Chính phủ
trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Ưu đãi người có công với cách mạng;

Căn cứ Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Người khuyết tật;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 tháng 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 01/2019/TT- BLĐTBXH ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện;

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH ngày 24 tháng 06 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Xét Tờ trình số 11426/TTr-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối với một số đối tượng bảo trợ xã hội ngoài chính sách trợ giúp xã hội của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ đối với một số đối tượng bảo trợ xã hội ngoài chính sách trợ giúp xã hội của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Đối tượng áp dụng

a) Người khuyết tật bẩm sinh có cha đẻ hoặc mẹ đẻ đã hoặc đang hưởng chế độ trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học (trừ người khuyết tật đang hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng hoặc đang hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng);

b) Người khuyết tật thần kinh, tâm thần mức độ đặc biệt nặng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đang còn cả cha mẹ và cả hai người từ đủ 70 tuổi trở lên hoặc chỉ còn cha hoặc mẹ nhưng từ đủ 70 tuổi trở lên;

c) Trẻ em được tiếp nhận vào chăm sóc, nuôi dưỡng trong Làng trẻ em SOS Vinh theo quy định;

d) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 2. Chính sách hỗ trợ đối với người khuyết tật bẩm sinh có cha đẻ hoặc mẹ đẻ đã hoặc đang hưởng chế độ trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học

1. Chế độ hỗ trợ hàng tháng

a) Các đối tượng được hỗ trợ hàng tháng với mức bằng mức chuẩn trợ giúp xã hội theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ nhân với hệ số tương ứng như sau:

- Hệ số 0,5 đối với người khuyết tật đặc biệt nặng, người khuyết tật nặng;

- Hệ số 1,0 đối với người được Hội đồng Giám định y khoa kết luận tỷ lệ suy giảm khả năng lao động từ 21% đến 40% hoặc được Hội đồng xác định mức độ khuyết tật đánh giá, chấm điểm mức độ khuyết tật đạt từ 2 đến 4 điểm theo quy định tại Thông tư số 01/2019/TT- BLĐTBXH ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

- Hệ số 1,5 đối với người được Hội đồng giám định y khoa kết luận suy giảm khả năng lao động từ 41% đến 60% hoặc được Hội đồng xác định mức độ khuyết tật đánh giá, chấm điểm mức độ khuyết tật đạt từ 5 đến 6 điểm theo quy định tại Thông tư số 01/2019/TT- BLĐTBXH ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

b) Trình tự thủ tục thực hiện điều chỉnh, thôi hưởng hỗ trợ hàng tháng

- Người khuyết tật, người giám hộ hoặc người khai thay cho đối tượng làm 01 Tờ khai theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết này, nộp trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công của xã, phường hoặc nộp trực tuyến trên cổng dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn>. Khi nộp hồ sơ cần xuất trình hoặc gửi kèm theo Biên bản giám định Y khoa của Hội đồng Giám định y khoa để cán bộ tiếp nhận hồ sơ đối chiếu thông tin kê khai trong tờ khai (đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 điều này thì không cần phải xuất trình).

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ khai, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức xem xét, thực hiện xác thực và chuẩn hoá thông tin liên quan của đối tượng với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, quyết định hỗ trợ hàng tháng cho đối tượng, thời gian hưởng từ tháng Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký quyết định. Trường hợp đối tượng không đủ điều kiện hưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

- Trường hợp đối tượng đang hưởng hỗ trợ hàng tháng bị chết hoặc không còn đủ điều kiện hưởng hoặc thay đổi điều kiện hưởng theo quy định của Nghị quyết này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định thôi hưởng hoặc điều chỉnh mức hưởng. Thời gian thôi hưởng hoặc điều chỉnh mức hưởng từ tháng sau tháng đối tượng chết hoặc không còn đủ điều kiện hưởng hoặc thay đổi điều kiện hưởng.

2. Cấp thẻ bảo hiểm y tế

Đối tượng quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này được cấp thẻ bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

3. Hỗ trợ chi phí mai táng

a) Đối tượng quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này khi chết được hỗ trợ chi phí mai táng bằng 20 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội theo quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ;

b) Trường hợp đối tượng được hỗ trợ chi phí mai táng quy định tại nhiều văn bản khác nhau với các mức khác nhau thì chỉ được hưởng một mức cao nhất;

c) Hồ sơ, thủ tục hỗ trợ chi phí mai táng

- Hộ gia đình, cá nhân, cơ quan, tổ chức chịu trách nhiệm mai táng cho đối tượng quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này làm Tờ khai theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị quyết này nộp trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công của xã, phường hoặc nộp trực tuyến trên cổng dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn>;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ khai, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định hỗ trợ chi phí mai táng và thực hiện chi trả kinh phí hỗ trợ theo quy định.

5. Phương thức hỗ trợ

Các khoản hỗ trợ hàng tháng, hỗ trợ chi phí mai táng được chi trả bằng tiền mặt hoặc qua tài khoản ngân hàng.

Điều 3. Chính sách đối với người khuyết tật thân kinh, tâm thần mức độ đặc biệt nặng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đang còn cả cha mẹ và cả hai người từ đủ 70 tuổi trở lên hoặc chỉ còn cha hoặc mẹ nhưng từ đủ 70 tuổi trở lên

1. Trình tự, thủ tục tiếp nhận đối tượng vào cơ sở trợ giúp xã hội

a) Người giám hộ làm 01 Tờ khai theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị quyết này, nộp trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công của xã, phường hoặc nộp trực tuyến trên cổng dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn>;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ khai của đối tượng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức xem xét, thực hiện xác thực và chuẩn hóa thông tin liên quan của đối tượng với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, có văn bản đề nghị (gửi kèm theo giấy tờ liên quan của người đề nghị) gửi cơ sở trợ giúp xã hội thuộc phạm vi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, người đứng đầu cơ sở trợ giúp xã hội xem xét, quyết định tiếp nhận đối tượng vào nuôi dưỡng, chăm sóc tại cơ sở;

d) Trường hợp đối tượng không đủ điều kiện tiếp nhận nuôi dưỡng, chăm sóc trong cơ sở trợ giúp xã hội, cơ quan giải quyết thủ tục phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng và hỗ trợ mai táng phí

Các đối tượng được tiếp nhận vào sống trong cơ sở trợ giúp xã hội được hưởng các chế độ như các đối tượng đang sống trong các cơ sở trợ giúp xã hội theo quy định của Chính phủ.

3. Đối tượng được tiếp nhận vào sống tại các cơ sở trợ giúp xã hội thì không được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng.

Điều 4. Chính sách hỗ trợ tiền ăn đối với trẻ em được tiếp nhận vào chăm sóc, nuôi dưỡng trong Làng trẻ em SOS Vinh

Hỗ trợ mức chênh lệch tiền ăn hàng tháng đối với trẻ em được tiếp nhận vào chăm sóc, nuôi dưỡng trong Làng trẻ em SOS Vinh để bằng mức trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng tại cơ sở trợ giúp xã hội được quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP và mức chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 76/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đối với các đối tượng quy định tại Nghị quyết này do ngân sách tỉnh đảm bảo.

2. Đối với kinh phí hỗ trợ cho các đối tượng hưởng chính sách sống tại cộng đồng được bổ sung có mục tiêu giao đầu năm trong dự toán chi ngân sách xã, phường. Đối với kinh phí hỗ trợ cho các đối tượng hưởng chính sách đang nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội trực thuộc Sở Y tế, Làng trẻ em SOS Vinh được bố trí trong dự toán giao cho đơn vị hàng năm.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 13 tháng 11 năm 2025.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 30/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội và chính sách hỗ trợ đối với một số đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Nghệ An và Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 30/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An Khóa XVIII, Kỳ họp thứ 33 thông qua ngày 03 tháng 11 năm 2025./. Vay

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (để b/c);
- Các Bộ: Y tế, Tài chính, Tư pháp (Cục KTVB&QLXPVPHC) (để b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND, UBND, Cơ quan UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Thi hành án dân sự tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Website: <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT.

[Chữ ký]



Hoàng Nghĩa Hiếu

Phụ lục

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 23/2025/NQ-HĐND
ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI

Đề nghị hưởng chính sách hỗ trợ hàng tháng tại cộng đồng

I. THÔNG TIN CỦA ĐỐI TƯỢNG

- Họ và tên người khuyết tật (Viết chữ in hoa):
Ngày/tháng/năm sinh: /...../.....Giới tính: Dân tộc:
Số định danh cá nhân:.....
- Nơi thường trú:
- Nội dung liên quan đến vấn đề khuyết tật
 - Giấy xác nhận khuyết tật số (nếu có) Ngày cấp : Nơi cấp
 - Biên bản giám định y khoa tật.....ngày.....tháng..... năm.....do Hội đồng giám định y khoa..... cấp.
 - Dạng tật:; Khuyết tật bẩm sinh hay do nguyên nhân khác (tai nạn, do bệnh tật.....).....
 - Tỷ lệ mất sức lao động ghi trong biên bản giám định y khoa:.....
 - Hoặc Điểm đánh giá mức độ khuyết tật:

II. THÔNG TIN VỀ CHA, MẸ ĐỂ CỦA ĐỐI TƯỢNG

- Họ và tên cha:.....Ngày/tháng/năm sinh:/...../.....,
- Nghề nghiệp:.....
- Họ và tên mẹ:.....Ngày/tháng/năm sinh:/...../.....,
- Nghề nghiệp.....

Thông tin người khai thay

(Trường hợp khai thay phải ghi đầy đủ
thông tin người khai thay)

Thẻ Căn cước số:.....
Ngày cấp:
Nơi cấp:
Mối quan hệ với đối tượng:
Địa chỉ:

Ngày tháng năm

NGƯỜI KHAI/NGƯỜI KHAI THAY

(Ký, ghi rõ họ tên.)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
Đề nghị hỗ trợ chi phí mai táng

I. THÔNG TIN NGƯỜI CHẾT ĐƯỢC MAI TÁNG

1. Họ và tên (*Viết chữ in hoa*).
- Ngày/tháng/năm sinh:/...../..... Giới tính: Dân tộc:
2. Nơi thường trú:
3. Thuộc đối tượng hỗ trợ:.....
4. Chết vào ngày tháng năm
5. Nguyên nhân chết
6. Thời gian mai táng
7. Địa điểm mai táng

II. THÔNG TIN HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN HOẶC CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐỨNG RA MAI TÁNG CHO NGƯỜI CHẾT

1. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đứng ra mai táng
 - a) Họ và tên (*Chủ hộ hoặc người đại diện*).
 - Ngày/tháng/năm sinh:/...../.....
 - Số định danh cá nhân:.....
 - b) Nơi thường trú:
 - Nơi ở:
 - c) Quan hệ với người chết:
 - d) Được gia đình thống nhất đại diện đề nghị hỗ trợ chi phí mai táng cho
 - đ) Hình thức nhận tiền hỗ trợ (bằng tiền mặt hay qua thẻ ATM):.....
2. Trường hợp cơ quan, tổ chức đứng ra mai táng
 - a) Tên cơ quan, tổ chức:
 - Địa chỉ:
 - b) Họ và tên người đại diện cơ quan:
 - Chức vụ:
 - c) Hình thức nhận tiền hỗ trợ (bằng tiền mặt hay qua thẻ ATM):.....

Ngày..... tháng.....năm.....

Người khai

(*Ký, ghi rõ họ tên. Nếu cơ quan, tổ chức thì ký, đóng dấu*)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI

Đề nghị tiếp nhận vào cơ sở trợ giúp xã hội

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân xã/phường
 - Giám đốc cơ sở trợ giúp xã hội.....

Họ và tên người giám hộ (*Viết chữ in hoa*):

Ngày/tháng/năm sinh:// Giới tính:

Số định danh cá nhân

Nơi thường trú: Xóm (thôn, bản) xã/phường
 tỉnh

Hiện nay, tôi

.....1

Vậy tôi làm đơn này đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, tiếp nhận hoặc trình cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận con của tôi (hoặc đối tượng) có thông tin sau:

Họ và tên đối tượng: Nam/nữ

Sinh ngày tháng năm

Số định danh cá nhân:

Là người khuyết tật thần kinh tâm thần mức độ đặc biệt nặng.

Nơi thường trú: Xóm (thôn, bản) xã/phường
 tỉnhvào chăm sóc, nuôi dưỡng tại.....2

....., ngày tháng năm.....

Đối tượng hoặc người giám hộ

(Ký, ghi rõ họ tên)

CÁN BỘ TIẾP NHẬN HỒ SƠ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm ...

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: (1) Nêu rõ hoàn cảnh gia đình, thông tin của đối tượng và nguyện vọng muốn đưa đối tượng vào cơ sở trợ giúp xã hội.

(2) Tên cơ sở Bảo trợ xã hội có nguyện vọng đưa đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng.

H. NGUYỄN

2/2014